

Biến đổi về tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa

Lê Hữu Ái

Lê Văn Thao

Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Email liên hệ: levanthao.ht@gmail.com

Tóm tắt: Quá trình đô thị hóa nhanh đã, đang làm thay đổi phương thức sản xuất và tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội của người dân Đà Nẵng nói chung và tính cộng đồng nói riêng. Từ kết quả khảo sát người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nghiên cứu góp phần làm rõ sự biến đổi về tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng dưới tác động của đô thị hóa, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Tính cộng đồng; Đô thị hóa; Phương thức sản xuất; Đà Nẵng; Biến đổi.

Changes in the community of the Da Nang people in the urbanization process

Abstract: The rapid urbanization process has been changing production methods and affecting every aspect of Da Nang people's social lives in general, and the community sense in particular. From the survey results of people in Da Nang City, the article contributes to clarify the change in the community sense of Da Nang people under the impact of urbanization, and proposes some solutions to enhance the community sense of Da Nang people in the current context.

Keywords: Community sense; Urbanization; Production methods; Da Nang; Changes.

Ngày nhận bài: 10/02/2020

Ngày duyệt đăng: 10/05/2020

1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ nhu cầu ứng phó các yếu tố bất lợi của tự nhiên, nhu cầu sản xuất vật chất và đời sống tinh thần cũng như chống lại sự xâm chiếm của các cộng đồng khác, người Việt Nam nói chung và người Đà Nẵng nói riêng đã hình thành một tinh thần cộng đồng đặc sắc. Trải qua thời gian với những thử thách trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, tinh thần cộng đồng đó không ngừng được củng cố và phát triển, trở thành một trong những nét đặc trưng văn hóa và là cội nguồn sức mạnh cho công cuộc xây dựng xã hội mới trong bối cảnh hiện nay.

Từ khi trở thành đô thị loại I, quá trình đô thị hóa ở Đà Nẵng diễn ra nhanh chóng và sâu rộng, đã làm biến đổi không gian sinh tồn và phương thức sản xuất, tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng. Bên cạnh những biến đổi theo hướng tích cực, tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng đang có biểu hiện bị suy giảm ở một số chiều cạnh, đã xuất hiện những xung đột giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng. Thực tiễn này đòi hỏi cần có nghiên cứu để làm rõ thực trạng biến đổi tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng, trên cơ sở đó để

xuất các giải pháp nhằm nâng cao tính cộng đồng của người dân thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh mới.

2. Một số vấn đề lý luận về tính cộng đồng và vai trò của tính cộng đồng

2.1. Tính cộng đồng

Dưới góc độ tâm lý học, McMillan & Chavis (1986) định nghĩa, ý thức về cộng đồng là cảm giác các thành viên thuộc về nhau, cảm giác rằng các thành viên quan trọng với nhau và với nhóm, và niềm tin chung rằng nhu cầu của các thành viên sẽ được đáp ứng thông qua cam kết của họ để được cùng nhau. Triandis (1988) cho rằng, tính tập thể/cộng đồng là xu hướng con người nhấn mạnh đến: a) Cách nhìn nhận, nhu cầu và mục đích của nội nhóm (ingroups) hơn là bản thân; b) Chuẩn mực xã hội và bổn phận do nội nhóm xác định hơn là hành vi tạo sự vui sướng cho bản thân; c) Niềm tin làm mình hòa chung với nội nhóm hơn là niềm tin phân biệt mình với nhóm; d) Sự sẵn sàng hợp tác với các thành viên của nhóm; và e) Gắn bó về mặt cảm xúc với nhóm. Etzioni (1994) cho rằng, tinh thần cộng đồng là sự thống nhất của mọi người trong xã hội, những người ủng hộ và chia sẻ các giá trị và tài nguyên tương tự. Điều kiện tiên quyết cho tinh thần cộng đồng rằng, các cá nhân sẵn sàng ở một mức độ có thể hy sinh lợi ích riêng của họ vì lợi ích của cộng đồng.

Đỗ Long (2000) cho rằng, tính cộng đồng là một đặc trưng tâm lý xã hội của nhóm thể hiện năng lực phối hợp, kết hợp ở sự thống nhất của các thành viên trong hành động và làm cho các quan hệ qua lại của các hoạt động diễn ra một cách nhịp nhàng nhất. Lê Văn Hảo (2004) nhấn mạnh, tính cộng đồng là xu hướng: a) Đặt người khác, tập thể/cộng đồng vào vị trí ưu tiên trong nhận thức của cá nhân (cái tôi phụ thuộc lẫn nhau được ưu tiên); b) Ưu tiên, coi trọng các giá trị tập thể/cộng đồng hơn là định hướng vào các giá trị cá nhân; c) Hành động vì tập thể/cộng đồng hơn là vì cá nhân; và d) Hành động vì tập thể/cộng đồng hơn là vì cá nhân. Nguyễn Diệu Hương (2018) nhìn nhận tính cộng đồng là đặc điểm tâm lý nổi trội của cá nhân, nhóm xã hội hướng tới giá trị, mục đích chung thể hiện qua niềm tin, thái độ và hành động tương tác, ứng xử của họ.

Dưới góc độ văn hóa học, Trần Ngọc Thêm (1996) nhận định rằng, tính cộng đồng và tính tự trị là hai đặc trưng cơ bản của nông thôn Việt Nam. Trong đó, tính cộng đồng được hiểu là sự liên kết các thành viên trong làng lại với nhau, mỗi người đều hướng tới người khác – nó là đặc trưng dương tính, hướng ngoại.

Nhìn chung, quan niệm về tính cộng đồng có những điểm chung, đó là: Sự gắn kết giữa các thành viên cộng đồng (vì có chung lợi ích vật chất, tinh thần); đề cao lợi ích chung của cộng đồng, nếu có sự xung đột giữa lợi ích cộng đồng và lợi ích cá nhân thì sẽ ưu tiên lợi ích cộng đồng, hy sinh lợi ích cá nhân. Tính cộng đồng được thể hiện ở ý thức (tinh thần) cộng đồng (tình cảm, tri thức, niềm tin, lý tưởng,... về cộng đồng), hành vi và thái độ của mỗi thành viên cộng đồng.

2.2. Vai trò của tính cộng đồng

Xuất phát từ nhu cầu tồn tại, ngay từ thời kỳ khởi thủy con người đã phải gắn kết với nhau thành những cộng đồng nhằm ứng phó với các điều kiện tự nhiên, và cũng chính từ đó tính cộng đồng đã được hình thành. Qua quá trình hình thành và phát triển, tính cộng đồng càng được củng cố và trở thành nền tảng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của các cộng đồng. Vai trò của tính cộng đồng của mỗi chủ thể được thể hiện trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, tính cộng đồng góp phần gia tăng nguồn lực của cộng đồng để chống chọi lại với các hiện tượng tự nhiên như lũ lụt, hạn hán, thiên tai, các loài động vật ăn thịt khác. Trên thực tế, ở những nơi có điều kiện tự nhiên càng khắc nghiệt thì sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng ngày càng trở nên bền chặt. Bởi nếu chỉ có một cá nhân thì việc ứng phó trước các biến đổi của tự nhiên trong điều kiện khoa học kỹ thuật chưa phát triển là gần như không thể, do đó họ cần nương tựa vào nhau hỗ trợ nhau đùm bọc nhau. Ngay trong điều kiện hiện nay, mặc dù khoa học đã rất phát triển song việc ứng phó những biến đổi của thiên nhiên dựa vào tinh thần cộng đồng vẫn là một trong những giải pháp căn cơ cho sự phát triển bền vững của mỗi cộng đồng.

Thứ hai, tính cộng đồng là cội nguồn sức mạnh cho việc chống lại các thế lực có lợi ích đối lập với cộng đồng. Do nhu cầu sinh sống và cư trú, giữa các cộng đồng sẽ không tránh khỏi tình trạng cộng đồng này xâm chiếm, cưỡng đoạt lợi ích của cộng đồng khác. Do đó, nếu các thành viên trong cộng đồng không hướng đến lợi ích chung của cộng đồng mình, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân để cùng nhau bảo vệ cộng đồng, thì sớm hay muộn cộng đồng đó cũng sẽ bị thôn tính. Vì vậy, bất kỳ cộng đồng nào muốn tồn tại bền vững cũng cần giáo dục cho các cá nhân về tính cộng đồng, sự đoàn kết, tinh thần sẵn sàng hy sinh cho sự trường tồn của cộng đồng.

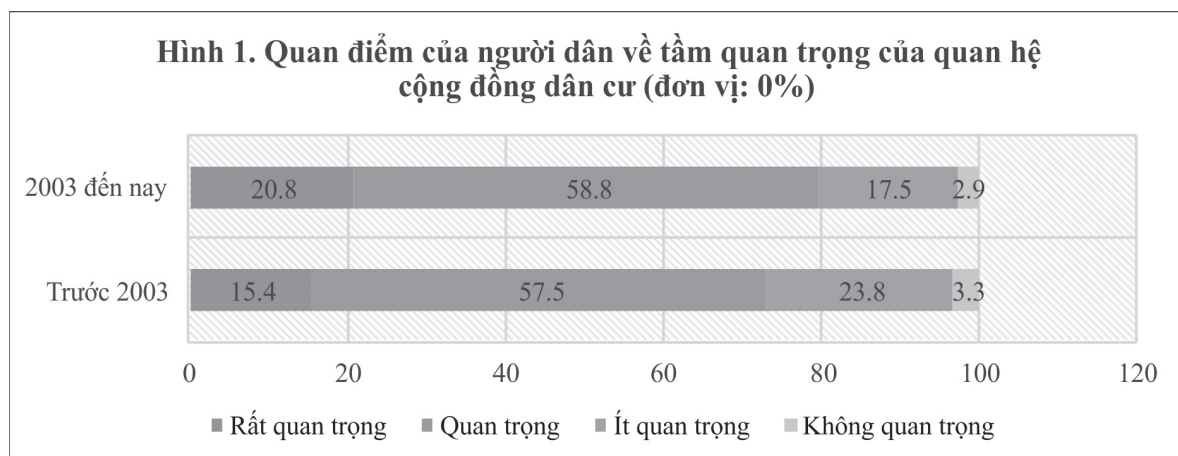
Không chỉ dừng lại ở việc ứng phó với sự xâm lược của các cộng đồng khác, tính cộng đồng còn giúp bảo vệ cộng đồng trong các vấn đề về an ninh, môi trường,... Bachrach và Zautra (1985) khi phân tích về các phản ứng đối phó của cộng đồng với một đối với một mối nguy hại đối với cộng đồng đã phát hiện ra rằng, ý thức cộng đồng mạnh mẽ hơn dẫn đến các hành vi tập trung đối phó vào vấn đề nguy hại đối với cộng đồng cũng cao hơn.

Thứ ba, tính cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng. Văn hóa là toàn bộ những giá trị do cá nhân và cộng đồng sáng tạo ra trong quá trình sản xuất, nó vừa là kết quả vừa phản ánh những nét đặc trưng của cộng đồng, vừa thể hiện những giá trị chung của cộng đồng. Các giá trị văn hóa trở thành sợi dây vô hình kết nối các thành viên trong cộng đồng. Ngược lại, khi các thành viên của cộng đồng ý thức được giá trị của nó, tự nhận thức được trách nhiệm của mình, họ sẽ tự giác trong việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng. Vì vậy, tính cộng đồng sẽ giúp gắn kết và phát huy các nguồn lực cho việc gìn giữ và bảo tồn các di sản văn hóa của cộng đồng hiện nay.

3. Những biến đổi tích cực về tính cộng đồng của người dân TP Đà Nẵng dưới tác động của đô thị hóa

Từ khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (năm 1997), tốc độ đô thị hóa của thành phố Đà Nẵng luôn ở nhóm đầu của cả nước, được thể hiện trên một số phương diện cơ bản như: sự gia tăng dân cư thành thị từ 79,4% (năm 1997) lên 87,2% (2019); mật độ dân cư từ 703,6 người/km² (1997) lên 883 người/km² (2019); GRDP thực tế từ 2,589 tỷ đồng (1997) tăng lên 109,000 tỷ đồng (2019) (Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Đà Nẵng); kết cấu hạ tầng giao thông, các công trình kiến trúc được xây dựng ngày càng nhiều và khang trang hơn, ... Dưới sự tác động của quá trình đô thị hóa, sức mạnh của ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết, hợp tác, hòa hợp tiếp tục được duy trì với những hình thức biểu hiện mới. Điều này được thể hiện trong nhận thức của người dân, trong tổ chức lao động sản xuất, kinh doanh, quan hệ ứng xử với tự nhiên, xã hội của người dân; các tổ chức, thiết chế xã hội chính thức và phi chính thức ở khu dân cư, quy ước xã hội cũng như các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội hiện đại..., cụ thể:

Thứ nhất, về mặt nhận thức, đại đa số người dân đều nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ cộng đồng dân cư. Kết quả khảo sát 240 người dân trên địa bàn thành phố (độ tuổi từ 16 tuổi trở lên) (thuộc đề tài mã số: B2018-DDN04-14 do Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng chủ trì) cho thấy: có 20,8% người dân cho rằng quan hệ cộng đồng là rất quan trọng, 58,8% người dân đánh giá là quan trọng, chỉ có 2,92% người dân cho rằng không quan trọng. Nếu so sánh với giai đoạn trước năm 2003 thì nhận thức của người dân về tầm quan trọng của quan hệ cộng đồng dân cư cũng có những chuyển biến tích cực, từ 15,4% người được hỏi cho rằng quan hệ cộng đồng dân cư là rất quan trọng đã tăng lên 20,8%, số người cho rằng ít quan trọng cũng đã giảm xuống từ 23,8% xuống còn 17,5%. Đặc biệt, ý thức tự giác của người dân về việc tham gia các hoạt động chung của cộng đồng cũng tăng lên đáng kể, từ 55,0% (trước 2003) lên 59,6% (năm 2003 đến nay), đồng ý rằng họ tự nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc tham gia các hoạt động chung của cộng đồng dân cư.



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài B2018-DDN04-14, năm 2019

Thứ hai, người dân có xu hướng tham gia tích cực hơn vào các hoạt động chung của cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy, so với trước năm 2003, người dân tham gia nhiều hơn vào các hoạt động chung của cộng đồng dân cư như: Dọn dẹp vệ sinh môi trường (41,28 %); Sinh hoạt tổ dân phố (30,64 %); Giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn (42,13 %); Tang gia, hiếu hỷ (23,83 %); Hoạt động tình nguyện (41,28 %); Tri ân người có công với đất nước (29,57 %); Đóng góp kinh phí cho các hoạt động chung của cộng đồng (42,13 %).

Thứ ba, cách thức kết nối giữa các thành viên với hoạt động chung của cộng đồng dân cư cũng có nhiều biến đổi. Nếu như trước năm 2003 hình thức tham gia chủ yếu là trực tiếp (62,9%), thì từ sau năm 2003 việc ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào việc kết nối với cộng đồng càng trở nên phổ biến hơn như sử dụng mạng xã hội, điện thoại, Zalo,... Kết quả điều tra cho thấy, có 33,88% người dân được hỏi có sử dụng mạng xã hội phục vụ việc kết nối với các thành viên khác. Điều này cho thấy, ứng dụng công nghệ thông tin có thể làm gia tăng sự tương tác, gắn kết giữa các thành viên của cộng đồng với nhau.

Thứ tư, quá trình đô thị hóa đã dẫn tới sự chuyển đổi mạnh mẽ của cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động theo hướng dịch chuyển mạnh vào ngành công nghiệp và dịch vụ. Lực lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ từ 37,2% (năm 1997) lên 65,65% (năm 2018) và giảm mạnh lực lượng lao động của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản từ 33,00% (năm 1997) xuống còn 3,62% (năm 2018). Do đó, tính cộng đồng cũng biến đổi theo. Những bộ phận dân cư sản

xuất nông nghiệp, thủ công, lâm nghiệp và thủy sản, tính cộng đồng được biểu hiện trong sự liên kết với nhau để hình thành nên những hợp tác xã kiểu mới. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ cũng đã hình thành các tổ chức như hiệp hội, các câu lạc bộ,... để hỗ trợ và hợp tác với nhau trong sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng các chuỗi sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Thứ năm, sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư đối với mỗi thành viên về các mặt như y tế, giáo dục, hỗ trợ tinh thần (thăm hỏi, động viên,...) ngày càng tốt hơn. Kết quả khảo sát cho thấy: Về hỗ trợ y tế, có 61,7% người đánh giá tốt, 12,5% đánh giá rất tốt; Về giáo dục, tương ứng là 60,8% và 16,7% cao hơn nhiều so với giai đoạn trước năm 2003 (về y tế 54,2% và giáo dục là 58,3% đánh giá tốt); Đặc biệt, số lượng người đánh giá không tốt đã giảm rõ rệt (về y tế từ 24,6% giảm xuống còn 12,1%, về giáo dục từ 20,8% xuống còn 11,3%). Nhìn chung, người dân cảm thấy hài lòng hơn về tính cộng đồng trên các phương diện như: Quan hệ giữa các thành viên (21,3% rất hài lòng, 59,2% hài lòng); Không gian sinh hoạt chung của cộng đồng (17,9% rất hài lòng, 49,2% hài lòng), các hoạt động chung của cộng đồng,...

4. Hạn chế và những vấn đề đặt ra trong phát huy tính cộng đồng của người dân thành phố Đà Nẵng dưới tác động của đô thị hóa

Bên cạnh những mặt tích cực, quá trình đô thị hóa cũng gây ra những ảnh hưởng tiêu cực và đặt ra những thách thức không nhỏ trong phát huy tính cộng đồng của người dân Đà Nẵng hiện nay.

Mặc dù phần lớn người dân khi được hỏi đều ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ giữa các thành viên của cộng đồng, song vẫn còn một bộ phận không nhỏ dân cư cho rằng mối quan hệ này ít quan trọng (17,5%), thậm chí là không quan trọng (2,9%). Thực tế cho thấy, nhiều người tham gia chỉ vì thấy nhiều người khác tham gia (32,1%), được người khác vận động tham gia (41,2%). Mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động chung của cộng đồng còn chưa cao, có đến 39,6% người được hỏi trả lời họ ít tham gia, 4,6% không tham gia vào các hoạt động của cộng đồng. Đặc biệt, so với giai đoạn trước năm 2003, có khoảng 15,4% người đánh giá rằng, mức độ gắn kết giữa các thành viên cộng đồng đang giảm xuống. Trên thực tế, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận thấy ở các khu dân cư mới, nhất là các khu chung cư, mặc dù rất gần nhau về không gian nhưng sự gắn kết thì lại rất thấp.

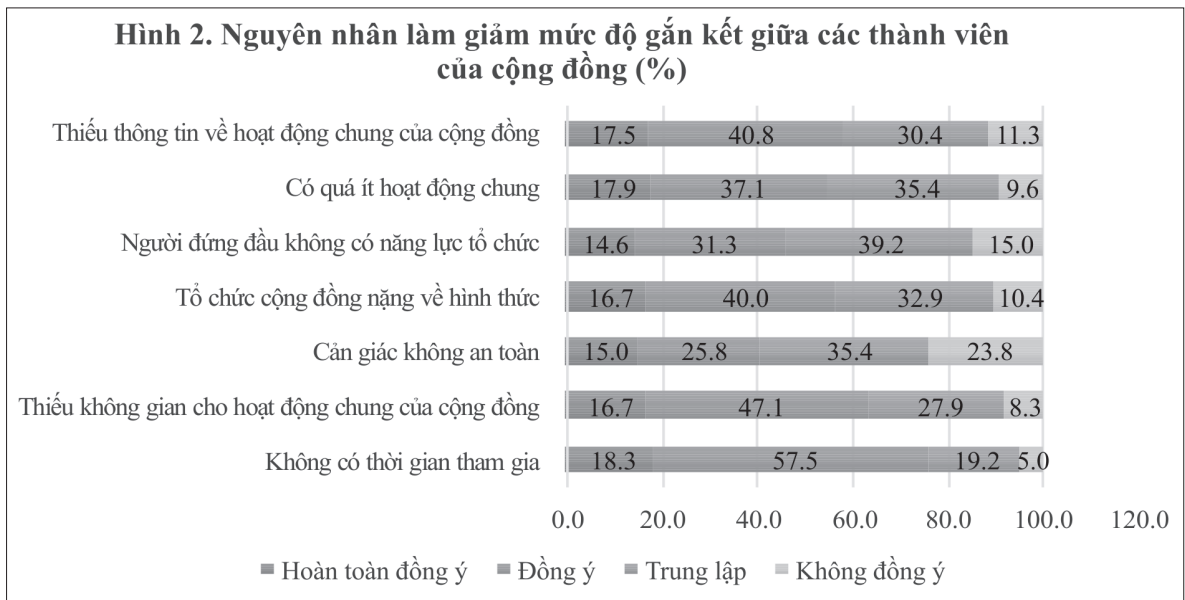
Có thể thấy, trong quá trình đô thị hóa, việc điều chỉnh lại quy hoạch đô thị, sắp xếp lại các khu dân cư là vấn đề tất yếu. Tuy nhiên, điều này lại dẫn đến việc phá vỡ cơ cấu các cộng đồng đã tồn tại lâu năm để hình thành nên những cộng đồng dân cư mới, đòi hỏi cần có thời gian để hình thành và phát triển các quan hệ mới. Bên cạnh đó, tình trạng quy hoạch treo, quy hoạch thiếu không gian sinh hoạt chung của cộng đồng (công viên, khu vui chơi, giải trí,...) đã làm cho mức độ tương tác giữa các thành viên thấp, do đó việc hình thành quan hệ giữa các thành viên càng trở nên khó khăn hơn.

Quá trình đô thị hóa đi kèm là sự gia tăng dân cư thành thị từ khu vực nông thôn chuyển sang và nhập cư từ các địa phương khác, việc tăng dân cư nhanh nhưng lại thiếu các hoạt động chung khiến việc kết nối giữa những người mới chuyển đến và người dân sinh sống lâu năm ở địa phương là khá thấp. Nguyễn Cửu Loan (2019) cho rằng, ra khỏi nhà, hòa nhập vào đám đông, người dân đô thị trở nên vô danh, tạm thời thoát ly ra ngoài mọi nhóm xã hội. Xung quanh họ toàn những người không quen biết, vì thế, họ chẳng cần quan tâm đến mọi người xung quanh. Chính từ đặc điểm này tạo nên một kiểu lối sống “đèn nhà ai nấy sáng”

trong mọi hành vi, cử chỉ, trong mọi sinh hoạt hằng ngày. Nguyễn Đăng Mạnh (2016) nhìn nhận rằng, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường bên cạnh những mặt tích cực, đã làm cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa vị kỷ ngày một tăng lên. Môi trường đô thị đã làm cho người dân quen dần với lối sống rạch ròi đến trần trụi, độc lập đến cô đơn, khiến cho nhiều mối quan hệ giữa người với người chỉ được giải quyết thông qua giá trị của đồng tiền. Một bộ phận chỉ biết quan tâm đến lợi ích cá nhân mà quên đi, xâm phạm, đến lợi ích của cộng đồng, dẫn đến sự xung đột giữa cá nhân với cộng đồng.

Sự giảm sút tính gắn kết của các thành viên trong cộng đồng còn được thể hiện ở điểm, nếu trước đây mỗi khi thành viên trong cộng đồng có công việc quan trọng như cưới xin, tang ma, làm nhà thường nhờ và nhận được giúp đỡ của các thành viên trong cộng đồng trong việc “hậu cần”, thì nay với sự phát triển nhanh chóng của các dịch vụ xã hội, khi có việc hiếu, hỷ nhiều gia đình đã thuê người làm theo hình thức “trọn gói”.

Hình 2 chỉ ra một số nguyên nhân làm giảm mức độ gắn kết giữa các thành viên của cộng đồng. Trong đó, áp lực về thời gian vẫn là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến việc tham gia hoạt động của cộng đồng, khi có tới 75,8% người được hỏi (18,3 hoàn toàn đồng ý, 57,5% đồng ý), trả lời rằng họ không có thời gian tham gia hoạt động chung của cộng đồng. Kế tiếp là nguyên nhân do thiếu không gian cho hoạt động chung của cộng đồng với 63,8% (16,7 hoàn toàn đồng ý, 47,1% đồng ý). Nguyên nhân do thiếu thông tin về hoạt động chung của cộng đồng (58,2%) và nguyên nhân do tổ chức cộng đồng nặng về hình thức (56,7%) cũng được xác định là các nguyên nhân chủ yếu gây ảnh hưởng xấu đến mức gắn kết của các thành viên.



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài B2018-DDN04-14, năm 2019

Thực trạng này đặt ra nhiều vấn đề nan giải cho việc thúc đẩy mối quan hệ cộng đồng trong dân cư ở thành phố Đà Nẵng hiện nay. *Đầu tiên*, áp lực của việc gia tăng quy mô dân số cơ học là thách thức lớn đối với tính cộng đồng. Theo dự báo, dân số Đà Nẵng sẽ đạt mức 2,5 triệu người trong năm 2030, điều này cũng đồng nghĩa với việc cần phải quy hoạch lại dân cư, bố trí xây dựng các khu dân cư mới. Đặc biệt, việc tăng dân số cơ học sẽ đặt ra thách thức lớn

đối với vấn đề đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội - yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc xây dựng lòng tin giữa các bộ phận dân cư. *Thứ hai*, quy hoạch không gian đô thị gặp khó khăn do quỹ đất của thành phố hiện nay còn rất hạn chế, nhất là việc đảm bảo các không gian sinh hoạt chung của cộng đồng đã khó lại càng trở nên khó khăn hơn. *Thứ ba*, sự phát triển của nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng lớn, khốc liệt sẽ có thể làm gia tăng mâu thuẫn giữa các cá nhân và giữa cá nhân với lợi ích cộng đồng. Sự xung đột giữa lối sống đô thị và lối sống nông thôn cũng là một trong những vấn đề phức tạp trong việc xây dựng quan hệ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay. *Thứ tư*, với việc xuất hiện nhiều mối quan hệ kinh tế, xã hội mới đan xen phức tạp sẽ tạo áp lực lớn cho hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở, vốn còn nhiều hạn chế, yếu kém.

5. Kết luận và một số kiến nghị chính sách

Quá trình đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã tạo nên những bước chuyển mạnh mẽ về mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đời sống của người dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa cũng đã và đang có những tác động tiêu cực đến sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng dân cư, tiềm ẩn những nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của thành phố. Trên cơ sở phân tích những biến đổi về tính cộng đồng của người dân TP Đà Nẵng dưới tác động của đô thị hóa, nghiên cứu này đề xuất một số kiến nghị chính sách chủ yếu như sau:

Một là, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Trên thực tế, lợi ích của cá nhân và lợi ích của cộng đồng đôi lúc có xu hướng trái ngược nhau, điều này dễ dẫn tới sự xung đột, phá vỡ sự liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng. Do đó, để mỗi cá nhân thực sự gắn kết với cộng đồng, cần có giải pháp giúp họ nhìn thấy được lợi ích của mình trong mối quan hệ gắn kết với lợi ích của cộng đồng, chỉ thông qua mối quan hệ gắn kết với cộng đồng thì việc đạt được lợi ích của cá nhân mới có thể bền vững và được cộng đồng tôn trọng. Vì vậy, cần tạo điều kiện để mỗi thành viên có cơ hội để được nói lên ý kiến, biểu đạt nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của mình. Ngược lại, cộng đồng muốn phát triển phải tránh bệnh hình thức, phải hướng đến mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi thành viên trong cộng đồng, trong đó cần làm tốt vai trò hỗ trợ các thành viên về khía cạnh kinh tế, trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, trợ giúp về việc làm, nhà ở, trợ giúp pháp lý,...

Hai là, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn. Việc giáo dục tuyên truyền cần gắn liền với tình hình thực tiễn của một cộng đồng dân cư, với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt phù hợp với từng đối tượng. Trong đó cần tập trung vào việc giáo dục thế hệ trẻ ý thức được tầm quan trọng về mối quan hệ gắn kết với cộng đồng. Tuyên truyền giáo dục cần phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ Đảng viên nơi cơ sở cư trú.

Ba là, xây dựng môi trường dân chủ trong cộng đồng dân cư. Người dân phải là chủ thể thực sự của mọi hoạt động trong cộng đồng dân cư, từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát. Cần đảm bảo tính công khai minh bạch trong các hoạt động của cộng đồng, đặc biệt là vấn đề định hướng phát triển cộng đồng, thu chi tài chính phục vụ cho hoạt động chung của cộng đồng. Chỉ có như vậy, người dân mới thấy được mối liên hệ giữa mình với cộng đồng dân cư, thấy được lợi ích của mình trong lợi ích của cộng đồng, thấy được bản thân mình trong bản sắc chung của cộng đồng.

Bốn là cần thể chế hóa, quy tắc hóa về cách thức tổ chức và vận hành các mối quan hệ cơ bản trong cộng đồng dân cư, làm cơ sở để điều chỉnh các hành vi ứng xử giữa các thành

viên trong cộng đồng, tạo lập thói quen sống và làm việc theo luật pháp và các quy tắc chung của cộng đồng. Đồng thời, phải xử lý nghiêm minh các hành vi cố ý đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng, làm tổn hại đến mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên trong cộng đồng.

Năm là, cần rà soát công tác quy hoạch đô thị, từ việc lập kế hoạch, thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện quy hoạch đô thị. Trong đó, cần xử lý dứt điểm tình trạng quy hoạch treo, quy hoạch phải đảm bảo không gian sinh hoạt chung của cộng đồng, không gian cây xanh,... Giảm thiểu việc phá vỡ các không gian văn hóa truyền thống mang tính bản sắc của mỗi cộng đồng dân cư. Cần xây dựng nhiều sân chơi, nhiều hoạt động làm tăng tính tương tác giữa các thành viên trong cộng đồng, những hoạt động thể hiện được bản sắc riêng của mỗi cộng đồng.

Sáu là, khai thác và vận dụng tốt những thành tựu khoa học công nghệ trong kết nối các thành viên trong cộng đồng thông qua các diễn đàn như Facebook, Zalo, các trang website của chính quyền. Hiện nay, người dân sử dụng các thiết bị thông minh ngày càng nhiều và mang tính phổ biến. Nếu khai thác tốt trào lưu này, các công cụ này sẽ có thể giúp cho các cá nhân có điều kiện tương tác với nhau, cập nhật được các hoạt động của cộng đồng, các thành viên có điều kiện thể hiện tâm tư nguyện vọng, đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Bảy là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, những người trực tiếp thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc với người dân. Đây là lực lượng đóng vai trò tiên phong dẫn dắt các hoạt động chung của cộng đồng, tiếp nhận và xử lý các xung đột giữa các thành viên trong cộng đồng, giữa cá nhân với cộng đồng. Vì vậy, cần thiết kế những chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là năng lực về công tác dân vận và hòa giải, đồng thời phải có cơ chế kiểm soát nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ cơ sở có biểu hiện theo tha hóa phẩm chất đạo đức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài ra, cần phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc vận động người dân tham gia các hoạt động chung của cộng đồng, cũng như giải quyết các xung đột giữa các thành viên của cộng đồng.

Chú thích

Kết quả nghiên cứu này nằm trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Đại học Đà Nẵng, mã số B2018-DDN04-14 về *Đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa đến tính cộng đồng của người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ - Đại học Đà Nẵng.

Tài liệu tham khảo

Bachrach, K. M., & Zautra, A. J. (1985). Coping with a community stressor: The threat of a hazardous waste facility. *Journal of Health and Social Behavior*, 26, 127-141.

Đỗ Long. (2000). *Quan hệ cộng đồng và các nhân trong tâm lý nông dân*. Nxb Khoa học xã hội.

Etzioni, A. (1994). *Spirit of community*. Simon and Schuster.

Lê Văn Hào. (2004). Về khái niệm tính cộng đồng và tính cá nhân. *Tạp chí Tâm lý học*, số 9, 14.

Lê Văn Thao. (2018 - 2020). *Đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa đến tính cộng đồng của người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*. Đề tài khoa học cấp Đại học Đà Nẵng, mã số B2018-DDN04-14.

McMillan, D. W. & Chavis, D. M. (1986). Sense of community: A definition and theory. *Journal of Community Psychology*, 14, 9.

Nguyễn Cửu Loan. (2019). *Nhiều thách thức cho văn hóa đô thị Đà Nẵng*. Truy xuất từ <http://cadn.com.vn/news/>, ngày 25/10/2019.

Nguyễn Đăng Mạnh. (2019). Đô thị hóa và đô thị hóa bền vững ở Đà Nẵng - Thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay. *Tạp chí Non Nước*, số 228, 85-90.

Nguyễn Dũng Anh. (2016). *Việc làm cho nông dân bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở thành phố Đà Nẵng*. Nxb Lý luận chính trị.

Phạm Hào. (2006). *Xây dựng đời sống đô thị trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Đà Nẵng - Thực trạng và những giải pháp*. Đề tài khoa học cấp Thành phố, Sở khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng.

Phan Thị Mai Hương. (2009). Tâm trạng của các nhóm cư dân Đà Nẵng trước những biến đổi về xã hội do tác động của đô thị hóa. *Tạp chí Tâm lý học*, số 3, 19.

Trần Ngọc Thêm. (1996). *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb TP. Hồ Chí Minh.

Trần Văn Bính. (1998). *Văn hóa trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia.

Triandis, H. (1988). Collectivism v. individualism: A reconceptualisation of a basic concept in cross-cultural social psychology. In *Cross-cultural studies of personality, attitudes and cognition* (pp. 60-95). Palgrave Macmillan, London.

Trịnh Duy Luân. (2008). Biến đổi tâm lý – xã hội của cộng đồng dân cư Đà Nẵng dưới tác động của quá trình đô thị hóa. *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (101), 8.